

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á và công ty con (gọi tắt là "Ngân hàng") được lập ngày 30 tháng 3 năm 2016 từ ngày 5 đến trang 57, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục kiểm toán thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi không đưa ra ý kiến ngoại trừ mà lưu ý người đọc báo cáo Thuyết minh số 8 - phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Ngân hàng có một số khoản cho vay Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy (trước đây là Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam - "Vinashin") và một số công ty con của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam ("Vinalines"). Các khoản cho vay này đang được thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng theo chỉ đạo của cơ quan quản lý Nhà nước.



Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0036-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2016
Báo cáo kiểm toán số: 772/VN1A-HN-BC

Nguyễn Thị Thanh Vân
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2543-2014-001-1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015			
TT	CHỈ TIÊU	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND
A.	TÀI SẢN		
I.	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	564.169	528.657
II.	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước (NHNN)	6.084.391	3.377.660
III.	Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	11.892.423	26.147.621
1.	Tiền gửi tại các TCTD khác	9.227.423	14.587.381
2.	Cho vay các TCTD khác	2.665.000	11.560.240
IV.	Chứng khoán kinh doanh	-	8.650
1.	Chứng khoán kinh doanh	-	8.650
V.	Cho vay khách hàng	42.439.383	31.568.334
1.	Cho vay khách hàng	42.805.631	32.066.117
2.	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(366.248)	(497.783)
VI.	Hoạt động mua nợ	50.575	-
1.	Mua nợ	63.818	-
2.	Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ	(13.243)	-
VII.	Chứng khoán đầu tư	17.525.520	12.250.883
1.	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	12.002.991	10.830.517
2.	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	5.659.934	1.492.289
3.	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	(137.405)	(71.923)
VIII.	Góp vốn, đầu tư dài hạn	183.187	183.187
1.	Đầu tư dài hạn khác	183.187	183.187
IX.	Tài sản cố định	349.309	287.852
1.	Tài sản cố định hữu hình	256.201	214.200
a.	Nguyên giá TSCĐ	522.939	445.860
b.	Hao mòn TSCĐ	(266.738)	(231.660)
2.	Tài sản cố định vô hình	93.108	73.652
a.	Nguyên giá TSCĐ	165.720	138.723
b.	Hao mòn TSCĐ	(72.612)	(65.071)
X.	Bất động sản đầu tư	317.318	318.928
a.	Nguyên giá BĐSĐT	320.317	320.788
b.	Hao mòn BĐSĐT	(2.999)	(1.860)
XI.	Tài sản vô hình	5.350.567	5.511.896
1.	Các khoản phải thu	1.864.724	2.491.908
2.	Các khoản lãi, phí phải thu	1.909.070	1.698.917
3.	Tài sản vô hình khác	1.580.744	1.321.274
4.	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản vô hình khác	(3.971)	(203)
TỔNG TÀI SẢN CÓ		84.756.842	80.183.668
B.	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		
I.	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	181.477	-
II.	Tiền gửi và vay các TCTD khác	18.073.040	25.596.329
1.	Tiền gửi của các TCTD khác	10.653.524	15.691.318
2.	Vay các TCTD khác	7.419.516	9.905.011
III.	Tiền gửi của khách hàng	57.018.437	45.030.136
IV.	Các công cụ tài chính phải sinh và các khoản nợ tài chính khác	14.315	-
V.	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	16.033	19.953
VI.	Phát hành giấy tờ có giá	2.900.000	2.900.000
VII.	Các khoản nợ khác	784.679	955.226
1.	Các khoản lãi, phí phải trả	649.110	598.083
2.	Các khoản phải trả và công nợ khác	135.569	357.143
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		78.987.981	74.501.644

TT	CHỈ TIÊU	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND
VIII.	Vốn chủ sở hữu	5.768.861	5.682.024
1.	Vốn của TCTD	5.465.881	5.465.881
a.	Vốn điều lệ	5.465.826	5.465.826
b.	Vốn khác	55	55
2.	Quỹ của TCTD	156.111	142.328
3.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	146.869	73.815
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		84.756.842	80.183.668
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI			
1.	Bảo lãnh vay vốn	12.500	-
2.	Cam kết giao dịch hối đoái	2.161.641	-
	Cam kết mua ngoại tệ	622.396	-
	Cam kết bán ngoại tệ	649.330	-
	Cam kết giao dịch hoán đổi	889.915	-
3.	Cam kết trong nghiệp vụ L/C	463.699	284.646
4.	Bảo lãnh khác	1.044.919	215.351

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015			
TT	CHỈ TIÊU	31/12/2015 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND
1.	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	4.337.090	4.169.237
	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(3.190.529)	(3.445.012)
I.	Thu nhập lãi thuần	1.146.561	724.225
2.	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	101.263	65.427
3.	Chi phí hoạt động dịch vụ	(60.760)	(26.887)
II.	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	40.503	38.540
III.	(Lỗ)/Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	(22.678)	12.930
IV.	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	1.497	1.168
V.	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	2.023	306.856
5.	Thu nhập từ hoạt động khác	7.062	10.693
6.	Chi phí hoạt động khác	(2.527)	(10.148)
VI.	(Lỗ)/Lãi thuần từ hoạt động khác	4.535	545
VII.	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	5.457	7.264
VIII.	Chi phí hoạt động	(967.923)	(780.120)
IX.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	209.975	311.408
X.	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(93.009)	(201.747)
XI.	Tổng lợi nhuận trước thuế	116.966	109.661
	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(25.081)	(22.783)
XII.	Chi phí thuế TNDN	(25.081)	(22.783)
XIII.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	91.885	86.878
XIV.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	160	151

Người lập:

Người phê duyệt:

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2016
Người phê duyệt:

(Signature)

Trần Thu Huyền

(Signature)

Bà Nguyễn Thị Thu Hương
Kế toán trưởng



Ông Đặng Bảo Khánh
Tổng Giám đốc